

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của xã Châu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số: 436/QĐ-UBND, ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Châu Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Châu Thành năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Châu Thành. (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND – UBND, Các ban ngành có liên quan tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *lct*

Nơi nhận:

- VPHĐND-UBND;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ...

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Văn Hiền

Tỉnh An Giang
xã Châu Thành

Biểu số 103/CKTC-NSNN



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	230.143.000.000	Tổng số chi	230.143.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	558.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	4.510.000.000	II. Chi thường xuyên	225.630.000.000
III. Thu bổ sung	225.075.000.000	III. Dự phòng	4.513.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	164.776.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
Nguồn cải cách tiền lương tỉnh BS	60.299.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			
Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã			





DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán năm 2024	
	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2
Tổng số thu	47.563.000.000	5.068.000.000
I. Các khoản thu 100%	558.000.000	558.000.000
- Phí, lệ phí	403.000.000	403.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	155.000.000	155.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	47.005.000.000	4.510.000.000
1. Các khoản thu phân chia	9.000.000.000	1.800.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	9.000.000.000	1.800.000.000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	38.005.000.000	2.710.000.000
- Thuế VAT-TNDN	27.100.000.000	2.710.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	10.825.000.000	
- Thuế tài nguyên	80.000.000	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV. Thu chuyển nguồn		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	225.075.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách		164.776.000.000
- Bổ sung có mục tiêu		
Nguồn cải cách tiền lương tỉnh BS		60.299.000.000





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán đã được hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng.

Nội dung 1	Dự toán năm 2024		
	Tổng số 2	ĐTPT 3	TX 4
Tổng số chi	230.143.000.000	0	230.143.000.000
1. Chi giáo dục và đào tạo	136.774.000.000		136.774.000.000
2. Chi an ninh, quốc phòng	2.963.000.000		2.963.000.000
3. Chi Sự nghiệp khác	112.000.000		112.000.000
4. Chi văn hóa, thông tin	820.000.000		820.000.000
5. Chi phát thanh, truyền thanh	546.000.000		546.000.000
6. Chi thể dục, thể thao	297.000.000		297.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường	180.000.000		180.000.000
8. Chi các hoạt động kinh tế	2.700.000.000		2.700.000.000
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	72.674.000.000		72.674.000.000
10. Chi đảm bảo xã hội	1.772.000.000		1.772.000.000
11. Chi các nhiệm vụ khác	2.022.000.000		2.022.000.000
12. Giữ tập trung tại xã	2.801.000.000		2.801.000.000
13. Chi khác (1% chi thường xuyên)	1.969.000.000		1.969.000.000
14. Dự phòng	4.513.000.000		4.513.000.000

